

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN D
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST
Ngày 11-10-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN D THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Thương

2. Bà Phạm Thị Hằng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Trà My- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 81/2018/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 08 năm 2018 về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐXX-ST ngày 28 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị L; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường T , quận D, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T. ĐKKHKT: Tổ dân phố T, phường T , quận D, thành phố Hải Phòng. Hiện đang chấp hành án tại trại giam P 4, k1 tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/7/2018, bản tự khai và trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là chị Trần Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 10 tháng 3 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã T , huyện Kiến Thụy (nay là phường T , quận D), thành phố Hải Phòng. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không chịu làm ăn chỉ chơi bời và vi phạm pháp luật, bị Tòa án xét xử hai lần và hiện đang phải chấp hành án, nên chị

xác định tình cảm giữa chị với anh T không thể khắc phục để đoàn tụ được, chính vì vậy anh T đang chấp hành án chị cũng không thăm nom, do đó chị thấy tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, căng thẳng và không có hạnh phúc. Từ đầu năm 2016, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tổ dân phố T, phường T, quận D sinh sống. Vợ chồng chị sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm tới nhau cả về tình cảm cũng như kinh tế. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T

Về con chung: Chị và anh T có hai cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 16/11/2005 và Nguyễn Trần Nhật M, sinh ngày 11/6/2013. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi cả hai cháu T và M. Không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai và biên bản ghi lời khai bị đơn anh T trình bày:

Về hôn nhân: Anh T xác nhận về thời gian kết hôn cũng như quá trình chung sống và con chung như chị L trình bày là đúng. Đến năm 2016 vợ chồng mâu thuẫn, chị L đã bỏ về ngoại ở. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn,

Về con chung: Vợ chồng có 02 con như chị L trình bày, anh đang chấp hành án nên để chị L nuôi con. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con do hai vợ chồng tự thỏa thuận.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã T hành xác M về mâu thuẫn vợ chồng tại địa phương nơi chị L, anh T sinh sống xác định: Chị L và anh T có xảy ra mâu thuẫn, anh T vi phạm pháp luật và đã bị tòa án xét xử 02 lần, hiện anh T đang chấp hành án. Chị L và anh T đã sống ly thân từ cuối năm 2016 đến nay.

Tòa án đã T hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T có đơn xin vắng mặt nên không T hành hòa giải được. Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, đã tổng đạt cho chị L và anh T nhưng chị L và anh T đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và phát biểu về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về con chung: Chấp nhận đề nghị của chị L, giao cho chị L nuôi hai con; vấn đề cấp dưỡng nuôi con, vợ chồng tự thỏa thuận. Về tài sản chung vợ chồng, chị L và anh T không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Chị L có đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận D giải quyết ly hôn với anh T cư trú tại phường T Thành, quận D, Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử, chị L và anh T đều được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ các điều 227, điều 228 và điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử T hành xét xử vắng mặt chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định Luật hôn nhân và gia đình. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[4] Lời khai của chị Trần Thị L thống nhất với lời khai của anh Nguyễn Văn T về mâu thuẫn vợ chồng, phù hợp với ý kiến của đại diện gia đình hai bên và Biên bản xác minh tại địa phương nơi chị L và anh T cư trú. Mâu thuẫn giữa chị L và anh T không thể hòa giải được, cả hai đã sống ly thân, không còn sự quan tâm tới nhau. Mặt khác, anh T cũng đồng ý ly hôn chị L. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình: "*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trù trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác*". Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị L về việc xin ly hôn anh T là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận.

- Về con chung:

[5] Chị L và anh T có 02 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 16/11/2005 và Nguyễn Trần Nhật M, sinh ngày 11/6/2013 đang ở với chị L. Chị L có nguyện vọng nuôi con, cháu T cũng có đơn đề nghị được tiếp tục ở với chị L, mặt khác anh T đang phải chấp hành án không có điều kiện để nuôi con. Vì vậy, căn cứ vào các điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cho chị L nuôi hai con Nguyễn Văn T, sinh ngày 16/11/2005 và Nguyễn Trần Nhật M, sinh ngày 11/6/2013 là phù hợp với thực tế, nguyện vọng và đảm bảo quyền lợi của con chung. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, do chị L và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung:

[6] Chị L và anh T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí:

[7] Chị L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị L và anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 16/11/2005 và Nguyễn Trần Nhật M, sinh ngày 11/6/2013 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận.

Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn.

3. Về án phí: Chị Trần Thị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai số 14411 ngày 30 tháng 7 năm 2018, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận D, thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận D;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận D;
- UBND P.T Thành, D, Hải Phòng (ĐKKH số 04/2005);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Thùy